TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26 – 5 – 2022

"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn, yêu cầu nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ - TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ngoan.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Anh.

2. Bà Lê Thị Mỹ Linh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Phụng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022 tại Phòng xét xử - Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2022, về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, yêu cầu nuôi con chung". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Cẩm T, sinh năm: 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, thị trấn Vĩnh Viễn, huyện LM, tỉnh HG.

Bị đơn: Anh Trần Văn K, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, thị trấn Vĩnh Viễn, huyện LM, tỉnh HG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Cẩm Thu (gọi tắt là chị Thu) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2019 chị Nguyễn Cẩm T và anh Trần Văn K (gọi tắt là anh K) có tổ chức lễ cưới, tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, hôn nhân của anh chị là tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không có tiến nói chung, bất đồng quan điểm sống, mặc dù vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Anh chị đã không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay. Nay chị T cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị T cho rằng chị và anh K có 01 con chung tên Trần Gia B (giới tính: nam) sinh ngày 23/10/2019, hiện nay cháu B đang sống chung với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị T khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Trần Văn K (gọi tắt là anh K) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh K thừa nhận vợ chồng anh chị tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, vì vậy chị T khởi kiện xin ly hôn với anh K thì anh K cũng đồng ý.

Về con chung: Anh K thống nhất vợ chồng anh chị có 01 con chung, tên Trần Gia B (giới tính: nam) sinh ngày 23/10/2019, hiện nay con đang sống với chị T.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh K thống nhất vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh K không còn yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, chị T và anh K đều có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn chị Nguyễn Cẩm T khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung đối với bị đơn anh Trần Văn K. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, yêu cầu nuôi con chung". Bị đơn anh Trần Văn K có địa chỉ cư trú tại ấp 01, thị trấn Vĩnh Viễn, huyện LM, tỉnh HG nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị T và anh K có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

xét xử vắng mặt đối tất cả các đương sự trong vụ án nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Cẩm T, hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Vào 2019 chị T và anh K tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân thị trẫn Vĩnh Viễn nên hôn nhân của anh chị là phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình sống chung, chị T cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không đồng thuận trong công việc làm ăn của gia đình nên mặc dù vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Anh chị đã không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay. Tại bản tự khai anh K cho rằng vợ chồng xảy ra nhiêu mâu thuẫn và không thể hàn gắn được nên nay anh cũng thống nhất ly hôn với chị T. Điều đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh chị không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên anh chị không thể tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng. Chị T và anh K đều thống nhất thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Cẩm T và anh Trần Văn K.

[2.2]. Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của chị T, hội đồng xét xử thấy rằng: Chị T và anh K cùng thống nhất có 01 con chung là cháu Trần Gia B (giới tính: nam) sinh ngày 23/10/2019, từ trước đến nay cháu Gia B sống chung với vợ chồng anh chị nhưng từ khi anh chị không còn sống chung với nhau thì cháu B sống chung với chị T, chị T chăm sóc, giáo dục tốt cho cháu Gia B. Thời điểm xét xử vụ án cháu Gia B chưa tròn 36 tháng tuổi, nên để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý cũng như ổn định cuộc sống cho cháu K, hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Trần Gia B (giới tính: nam) sinh ngày 23/10/2019 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Trần Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về yêu cầu cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.4]. Về tài sản chung: Chị T và anh K khai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa àn giải quyết nên không xem xét.

[2.5]. Về nợ chung: Chị T và anh K khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị T phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Nguyễn Cẩm T và bị đơn anh Trần Văn K.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Nguyễn Cẩm T, giao cháu Trần Gia B (giới tính: nam) sinh ngày 23/10/2019 cho chị Nguyễn Cẩm T được tiếp tục nuôi dưỡng, hiện nay cháu Gia B đang sống chung với chị T. Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Trần Văn K không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh K khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa àn giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị T và anh K khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần Thị T phải nộp án phí với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0006289 phiếu lập ngày 13/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bán án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Long Mỹ;
- THADS H. Long Mỹ;
- UBND thị trấn Vĩnh Viễn;
- Lưu HS.

Nguyễn Thị Thúy Ngoan